TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 122/2017/DS-ST
Ngày 13 tháng 10 năm 2017
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Mừng**.

2. Ông **Đặng Văn Tâm**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 13 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2017/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T.

Địa chỉ: Số 02 L, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Ngọc K– Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K là ông Nguyễn Hữu P – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng No&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P là bà Huỳnh Thị Mỹ L - Chức vụ: phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng No&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt).

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1964. (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 169 N, ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ L trình bày: Ngày 05.7.2016 bà H và Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng số 62/TTCM/2016/HĐTD và Hợp đồng tín dụng số 63/TTCM/2016/HĐTD, vay số tiền tổng cộng 600.000.000đ, với mục đích vay là mua xe, trang trí nội thất; thời hạn cho vay là 12 tháng. Ngân hàng đã giải ngân đủ cho bà H. Đến nay bà H không trả vốn và không đóng lãi cho Ngân hàng. Đến ngày khởi kiện bà H còn nợ quá hạn chưa thanh toán nợ gốc là 600.000.000đ và lãi chưa thanh toán từ ngày 05.7.2016 đến nay. Để đảm bảo khoản vay bà H đã ký hợp đồng thế chấp số 49/TTCM/2014/HĐTC ngày 03.7.2014 để thế chấp tài sản gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC130055 (H0350Hb), diện tích 300m^2, số thửa 264, tờ bản đồ số 06 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30.8.2005 cho bà Nguyễn Thị Thu H và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC130056 (H0351Hb) diện tích 92.7m^2, thửa số 265, tờ bản đồ số 06 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30.8.2005 cho bà Nguyễn Thị Thu H. Nay yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 600.000.000đ và tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng thời tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 49/TTCM/2014/HĐTC ký kết ngày 03.7.2014 giữa bà H với Ngân hàng để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vắng mặt không lý do. Nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Hồng về nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Nguyễn Thị Thu H đã được tống đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay bà H vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

Về hình thức: Công ty T khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H thanh toán số tiền vốn vay 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 62/TTCM/2016/HĐTD và Hợp đồng tín dụng số 63/TTCM/2016/HĐTD ngày 05.7.2016. Bà H có nơi cư trú ấp Thị 1, thị trấn

Chợ Mới, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xuất phát từ việc Ngân hàng yêu cầu bà H trả số tiền 600.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 62/TTCM/2016/HĐTD và Hợp đồng tín dụng số 63/TTCM/2016/HĐTD. Do đến hạn thanh toán bà H không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu một thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 62/TTCM/2016/HĐTD và Hợp đồng tín dụng số 63/TTCM/2016/HĐTD ngày 05/7/2016 được ký kết giữa Công ty T với bà H xác lập trên cở sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên về hình thức và nội dung hợp đồng không trái với đạo đức, xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng tín dụng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi đúng hạn cho Ngân hàng để phát sinh nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Nên việc Ngân hàng khởi kiện bà H yêu cầu thanh toán vốn vay, lãi còn nợ cho Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất từ sau thời điểm xét xử, tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn có yêu cầu bên vay bà H tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 62/TTCM/2016/HĐTD và Hợp đồng tín dụng số 63/TTCM/2016/HĐTD đã ký kết cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Xét thấy, yêu cầu này là không trái với quy định của pháp luật nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 49/TTCM/2014/HĐTC ký kết ngày 03.7.2014 giữa bà H với Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng này ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, có công chứng, chứng thực và có đăng ký thế chấp tuân thủ theo quy định pháp luật nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa: đại diện Ngân hàng yêu cầu bà H trả vốn gốc 600.000.000đ, tiền lãi 83.916.667đ (tám mươi ba triệu, chín trăm mười sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng) tính đến ngày 13.10.2017 và trả lãi phát sinh từ ngày 14.10.2017 cho đến khi thi hành án xong.

Từ cơ sở phân tích trên nghĩ nên buộc bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 683.916.667đ (sáu trăm tám mươi ba triệu, chín trăm mười sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 26, 35, 146, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sử đổi, bổ sung năm 2015;

- Các Điều 91, 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty T tiền vốn gốc và lãi suất tính đến ngày 13.10.2017. Tổng cộng là 683.916.667đ (sáu trăm tám mươi ba triệu, chín trăm mười sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 14.10.2017 bà H phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết số 62/TTCM/2016/HĐTD và Hợp đồng tín dụng số 63/TTCM/2016/HĐTD ngày 05/7/2016 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Công ty T.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 49/TTCM/2014/HĐTC ký kết ngày 03.7.2014 giữa bà Hồng với Công ty T để bảo đảm cho việc thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 31.356.667đ (ba mươi mốt triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Công ty T do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện C, tỉnh An Giang làm đại diện được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0014193 ngày 21.7.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Thanh